

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 31 – 5 - 2022

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **VTMN**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **NVL**– Phó hạt trưởng HKL, huyện DD, tỉnh LD

2/ Bà **NTC**– Hiệu trưởng trường THLS,DD,LD

Thư ký phiên tòa: Bà **LTP- TK TAND DD, LD**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Bà **PTL**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **NTP**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: 264 tổ 7 ấp 4 xã SC, huyện TB, tỉnh ĐN

Bị đơn: Anh **VDM**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn XT, xã LL, Huyện DD, tỉnh LD

(Chị P có mặt, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị NTP trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh **VDM** yêu thương tự nguyện kết hôn chung sống cùng nhau, hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã ST, huyện TB, Tỉnh ĐN vào ngày 26/11/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Do cả hai không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp trong mọi khía cạnh, anh M thường xuyên nhậu nhẹt và đánh tôi. Anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2019 đến nay không còn ai quan tâm gì đến nhau, tình cảm nguội lạnh. Vì vậy, chị xin Tòa án giải quyết cho chị và anh **VDM** được ly hôn với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2022 anh VDM trình bày: Anh xác định lời khai của chị **NTP** về thời gian vợ

chồng kết hôn chung sống hạnh phúc là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2019 thì chị P không muốn sống ở Đ mà muốn về Trảng Bom- Đồng Nai sinh sống, anh không đồng ý vì cho rằng ở Đ anh có nhà và công việc ổn định nên từ đó chị P bỏ về Trảng Bom- Đồng Nai sống cùng bố mẹ ruột. Cũng từ đó anh và chị P ly thân không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Anh nhận thấy tình cảm đôi bên đã hết nhưng vì anh là người theo đạo thiên chúa giáo nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Chị NTP và anh VDM thống nhất xác nhận trong thời gian chung sống hai bên có 01 con chung tên: VTTN, sinh ngày: 12/4/2016 hiện do chị P nuôi dưỡng.

Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu VTTN và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh VDM đồng ý giao cháu VTTN cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn do chị P không yêu cầu.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị P xác nhận trong thời gian chung sống hai bên không có tài sản chung và không nợ chung ai, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình điều tra anh M xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng; đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTP; cho chị NTP và anh VDM ly hôn; về con chung đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của chị P và anh M giao cháu VTTN cho chị NTP tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; về phần cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu nên không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng*: Đây là vụ án “*Tranh chấp xin ly hôn*” giữa nguyên đơn chị NTP và bị đơn anh VDM thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc bị đơn anh VDM có đơn xin vắng mặt vắng mặt, vì vậy, theo quy định tại các Điều 207, 227, 228, 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho anh M là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về áp dụng pháp luật nội dung*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh M là hợp pháp. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện yêu thương, tự nguyện kết hôn chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã ST, huyện TB, Tỉnh ĐN vào ngày

26/11/2014. Quá trình chung sống, hai bên có thời gian chung sống hạnh phúc ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không mang lại hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ năm 2019 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị P xin được ly hôn anh VDM. Phía anh M cũng xác định vợ chồng không thể hàn gắn, không còn tình cảm nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh là người theo đạo Thiên chúa giáo. Tại phiên tòa, chị P cương quyết xin ly hôn anh M vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh M chỉ tồn tại trên mặt pháp lý, thực tế hai bên đã có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị P và anh M đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có níu kéo cho hai bên về chung sống cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn với anh M là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về con chung:** Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị P và anh M giao cháu VTTN sinh ngày 12/4/2016 cho chị NTP tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; về phần cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu nên không xem xét đến.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P, anh M đều xác định, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét đến.

- **Về án phí:** chị NTP phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Các Điều 207, 220, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị NTP.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị NTP và anh VDM ly hôn. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 158/2014 ngày 26/11/2014 tại UBND xã ST, huyện TB, Tỉnh ĐN chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu VTTN, sinh ngày: 12/4/2016 cho chị NTP tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh VDM không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị NTP phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng do chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003857 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh VDM không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị NTP được quyền kháng cáo; riêng anh VDM được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết) để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- THA dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

VTMN

